

Bản án số: 105/2021/HS-ST

Ngày: 20 - 5 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kính

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn H; sinh năm 1996, tại Kiên Giang; Nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Ấp V.T 2, xã V.P, huyện V.T, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị O; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 11/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh kết án 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/02/2021.

- Ngày 26/02/2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang kết án 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2021 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Ông Phan V.E, sinh năm: 1972; nơi cư trú: (hộ khẩu thường trú: Ấp M.H, xã L.B, huyện N.N, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Phòng trọ số 4, nhà số 140B R.C, Phường 7, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định, vì muốn có tiền tiêu xài nên Lê Văn H nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản sỡ hữu của người khác rồi chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 03 giờ, ngày 27/01/2014, H đi lòng vòng khu vực chợ Bình Điền, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. Khi H đi đến trước Phòng trọ số 4, nhà số 140B, R.C, Phường B, Quận T, thì phát hiện 01 xe gắn máy biển số 52N3-9XXX của ông Phan V.E đang dựng trước nhà, không người trông coi. Thấy vậy, H lén lút tiến lại gần xe và giật đứt công tắc điện, nổ máy điều khiển xe tẩu thoát. Khi H điều khiển xe đi đến khu vực xã Hưng Long, huyện Bình Chánh để tìm người tiêu thụ thì bị Công an xã Hưng Long, huyện Bình Chánh đi tuần tra nghi vấn, phát hiện đưa về trụ sở Công an xã làm việc. Tại Công an xã Hưng Long, H khai vừa thực hiện hành vi trộm cắp xe tại Phường 7, Quận 8 nên Công an huyện Bình Chánh đã chuyển hồ sơ sang Công an Quận 8 xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 21/3/2014, hội đồng định giá kết luận: 01 chiếc xe gắn máy biển số 52N3-9XXX có giá trị là 2.500.000 đồng.

Ngày 17/4/2014, Công an Quận 8 ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam đối với Lê Văn H nhưng H bỏ trốn, Công an Quận 8 ra quyết định truy nã, đến ngày 11/02/2021 H bị bắt.

Quá trình điều tra, Lê Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội trên, lời khai của bị can phù hợp với lời khai bị hại, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng trong vụ án:

- 01 xe gắn máy biển số 52N3-9XXX, ngày 12/11/2014, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

- 01 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 93/CT-VKSQ8 ngày 15/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 06 tháng đến 10 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Về vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định khoảng 03 giờ, ngày 27/01/2014, tại trước Phòng trọ số 4, nhà số 140B R.C, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Văn H có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy biển số 52N3-9XXX có giá trị 2.500.000 đồng của ông Phan V.E, hành vi của bị cáo đã kịp thời bị phát hiện.

[3] Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực thi hành. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, điều này đã gây khó khăn, cản trở cho cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác, bị cáo đã nhiều lần bị kết án cùng về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù không bị coi là án tích nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét để quyết định hình phạt phù hợp với nhân thân của bị cáo.

[7] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Trước khi phạm tội trong vụ án này (ngày 27/01/2014), bị cáo đã 02 lần phạm tội vào năm 2013 và cả 02 lần đều đã bị kết án. Mặc dù không xem xét là án tích, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng điều này cho thấy hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ và 01 điện thoại di động màu đen tạm giữ của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, các điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/02/2021.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại Nokia màu đỏ, số Imei 1: 359299/04/699922/8, số imei 2: 359299/04/699923/6 và 01 điện thoại di động màu đen không rõ hiệu và số Imei.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/4/2021)

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc